

Bản án số: **106/2021/DS-ST**

Ngày: 09/7/2021

V/v T/C Hợp đồng góp hội

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiệu Hoàng Mới.

2. Ông Hứa Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09/7/2021, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 75/2021/TLST-DS ngày 22/3/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2021/QĐXXST-DS ngày 31/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐST-DS ngày 16/6/2021, Thông báo về việc dời ngày xét xử số 154/TB-TA ngày 21/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Long Đ**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Đ: Bà Trịnh Lệ T, sinh năm 1964 (có mặt), địa chỉ: Số Y, ấp A, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Kiều T1** (G) (vắng mặt).

Ông **Nguyễn Thanh P** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Long Đ, có người đại diện theo ủy quyền là bà Trịnh Lệ T trình bày: Ông Đ

làm chủ hội, vợ chồng bà T1, ông P là hội viên đã tham gia 04 dây hội tháng và 04 dây hội mùa. Sau khi hết hội xong, bà T1 và ông P không đóng hội chết cho ông Đ, cụ thể như sau:

*** Hội tháng:**

Dây 1: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2019 âl, mãn ngày 10/8/2021 âl, có 26 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hội sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (10/9/2019 âl) thì bà T1 và ông P ra lời 360.000 đồng, hết được số tiền 16.600.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hội chết được 11 lần là 11.000.000 đồng (từ tháng 10/2019 âl đến tháng 7/2020 âl, có nhuận tháng 4). Từ tháng 8/2020 âl đến tháng 01/2021 âl, bà T1 và ông P không đóng hội chết là 06 tháng x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. Dây hội này còn lại 07 lần khai nữa mới mãn.

Dây 2: Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 20/11/2019 âl, mãn ngày 20/10/2021 âl, có 25 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hội sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (20/12/2019 âl) thì bà T1, ông P ra lời 500.000 đồng, hết được số tiền 36.500.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hội chết được 08 lần là 16.000.000 đồng (từ tháng 01/2020 âl đến tháng 7/2020 âl có nhuận tháng 4). Từ tháng 8/2020 âl đến tháng 01/2021 âl, bà T1 và ông P không đóng hội chết là 06 tháng x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng. Dây hội này còn lại 09 lần khai nữa mới mãn.

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 01/3/2020 âl, mãn ngày 01/02/2022 âl, có 25 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hội sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (01/4/2020 âl) thì bà T1, ông P ra lời 330.000 đồng, hết được số tiền 16.410.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hội chết được 04 lần = 4.000.000 đồng (từ tháng 4 nhuận năm 2020 đến tháng 7/2020 âl). Từ tháng 8/2020 âl đến tháng 01/2021 âl, bà T1 và ông P không đóng hội chết là 06 tháng x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. Dây hội này còn lại 13 lần khai nữa mới mãn.

Dây 4: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/5/2020 âl, mãn ngày 15/02/2022 âl, có 22 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hội sống được 02 lần. Đến lần khai thứ 03 (ngày 15/7/2020 âl) thì bà T1, ông P ra lời 350.000 đồng, hết được số tiền 14.350.000 đồng. Sau khi hết hội xong, bà T1, ông P không đóng hội chết từ tháng 8/2020 âl đến tháng 01/2021 âl là 06 tháng x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. Dây hội này còn lại 13 lần khai nữa mới mãn.

*** Hội mùa**

Dây 1: Hội mùa (04 tháng khai một lần) 5.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2017 âl, mãn ngày 15/11/2022 âl, có 16 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hội sống được 02 lần. Đến lần khai thứ 03 (ngày 15/7/2018 âl) thì bà T1, ông P ra lời 2.400.000 đồng, hết được số tiền 43.800.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hội chết được 06 lần là 30.000.000 đồng (từ vụ tháng 11/2018 âl đến vụ tháng 7/2020 âl). Vụ tháng 11/2020 âl, bà T1 và ông P không đóng hội chết là 5.000.000 đồng. Dây hội này còn lại 06 lần khai nữa mới mãn.

Dây 2: Hội mùa (04 tháng khai một lần) 2.000.000 đồng, mở ngày 15/11/2017 âl, mãn ngày 15/7/2022 âl, có 15 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà

T1 đóng hui sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (ngày 15/3/2018 âl) thì bà T1, ông P ra lời 800.000 đồng, hốt được số tiền 17.600.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hui chết được 07 lần là 14.000.000 đồng (từ vụ tháng 7/2018 âl đến vụ tháng 7/2020 âl). Vụ tháng 11/2020 âl, bà T1 và ông P không đóng hui chết là 2.000.000 đồng. Dây hui này còn lại 05 lần khai nữa mới mãn.

Dây 3: Hui mùa (04 tháng khai một lần) 3.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2019 âl, mãn ngày 15/7/2023 âl, có 14 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hui sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (ngày 15/7/2019 âl) thì bà T1, ông P ra lời 1.600.000 đồng, hốt được số tiền 19.800.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hui chết được 03 lần là 9.000.000 đồng (từ vụ tháng 11/2019 âl đến vụ tháng 7/2020 âl). Vụ tháng 11/2020 âl, bà T1 và ông P không đóng hui chết là 3.000.000 đồng. Dây hui này còn lại 08 lần khai nữa mới mãn.

Dây 4: Hui mùa (04 tháng khai một lần) 3.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2019 âl, mãn ngày 15/7/2023 âl, có 14 phần, bà T1 và ông P tham gia 01 phần (để tên Chị G), bà T1 đóng hui sống được 01 lần. Đến lần khai thứ 02 (ngày 15/7/2019 âl) thì bà T1, ông P ra lời 1.500.000 đồng, hốt được số tiền 21.000.000 đồng. Bà T1, ông P đóng hui chết được 03 lần là 9.000.000 đồng (từ vụ tháng 11/2019 đến vụ tháng 7/2020 âl). Vụ tháng 11/2020 âl, bà T1 và ông P không đóng hui chết là 3.000.000 đồng. Dây hui này còn lại 08 lần khai nữa mới mãn.

Tổng cộng 04 dây hui tháng và 04 dây hui mùa nêu trên, bà T1 và ông P còn nợ ông Đ tiền hui chết đã đến hạn là 43.000.000 đồng. Sau đó, bà T1 và ông P trả được 8.000.000 đồng nên còn nợ lại 35.000.000 đồng

Nay ông Huỳnh Long Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Kiều T1 và ông Nguyễn Thanh P trả lại tổng số tiền nợ hui chết đã đến hạn của 08 dây nêu trên là 35.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải và Biên bản hòa giải thành cùng ngày 14/5/2021, bị đơn ông Nguyễn Thanh P thống nhất ông và vợ là bà Đỗ Thị Kiều T1 có nợ ông Đ số tiền hui chết đã đến hạn như ông Đ trình bày và đồng ý cùng vợ trả số nợ trên vào ngày 14/9/2021.

Đối với bị đơn bà Đỗ Thị Kiều T1: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà T1 không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà T1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa các bị đơn bà Đỗ Thị Kiều T1 (G) và ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Đ làm chủ hội, vợ chồng bà T1 và ông P là hội viên đã tham gia 04 dây hội tháng và 04 dây hội mùa. Sau khi hốt hội xong, bà T1 và ông P không đóng đầy đủ tiền hội chết cho ông Đ. Đến thời điểm ông Đ khởi kiện (ngày 03/03/2021), số tiền hội chết bà T1 và ông P còn nợ ông Đ là 35.000.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải và Biên bản hòa giải thành cùng ngày 14/5/2021, bị đơn ông Nguyễn Thanh P thống nhất ông và vợ là bà Đỗ Thị Kiều T1 có nợ ông Đ số tiền hội chết đã đến hạn như ông Đ trình bày và đồng ý cùng vợ trả số nợ trên vào ngày 14/9/2021.

Tại buổi hòa giải, bà T1 vắng mặt và từ khi được Tòa án thông báo kết quả hòa giải giữa ông Đ và ông P cho đến trước ngày Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ngày 31/5/2021), bà T1 không thể hiện ý kiến gì về kết quả hòa giải thành trên nên Tòa án không thể ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận cho các đương sự.

Hội đồng xét xử cho rằng Hợp đồng góp hội giữa ông Đ, bà T1, ông P được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số nợ nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phurong; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, buộc bà T1 và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đ số tiền hội chết đã đến hạn là 35.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh P và bà Đỗ Thị Kiều T1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 18, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phurong;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Đỗ Thị Kiều T1 (G) và ông Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Long Đ số tiền nợ hụi đã đến hạn tính đến ngày 03/3/2021 (ngày ông Đ khởi kiện) là 35.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Huỳnh Long Đ có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Đỗ Thị Kiều T1 (G) và ông Nguyễn Thanh P còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho ông Huỳnh Long Đ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Kiều T1 (G) và ông Nguyễn Thanh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 1.750.000 đồng.

Ông Huỳnh Long Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009692 ngày 18/3/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa